TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2026/HS-ST
Ngày: 04-9-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Luận.

Ông Trần Quốc Hội.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Liếng, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Hồ Long Hồ - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 147/2026/TLST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2026/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2026, đối với bị cáo:

Nguyễn Huỳnh Thị Tuyết N, sinh ngày 19/3/2008 (Căn cước công dân: 087308015987, cấp ngày 27/01/2023); Nơi sinh: Tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú và nơi ở hiện nay: Khu phố B, phường A, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp khi phạm tội: Học sinh;Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1982 và bà Huỳnh Thị Hồng P, sinh năm 1986; Chưa có chồng, con; Anh chị em ruột: 02 người, bị cáo là con nhỏ; Tiền án, Tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo là: Nguyễn Văn B, sinh năm 1982 và Huỳnh Thị Hồng P, sinh năm 1986 – Là cha, mẹ của bị cáo. Nơi cư trú: Khu phố B, phường A, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

- Bị hại: Nguyễn Văn L, sinh năm 1958 (đã chết).

Nơi cư trú: Khu phố A, phường A, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bị hại là: Nguyễn Văn T, sinh năm 1941 (Có mặt).

Nơi cư trú: Khu phố A, phường A, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Nguyễn Văn B, sinh năm 1982 (Có mặt);

2/ Huỳnh Thị Hồng P, sinh năm 1986 (Có mặt).

Cùng nơi cư trú: Khu phố B, phường A, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 31/7/2008 (Có mặt).

Nơi cư trú: Khu phố B, phường A, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Thị S, sinh năm 1971 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố A, phường A, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Huỳnh Thị Tuyết N không có giấy phép lái xe theo quy định nhưng vào ngày 27/02/2026 N điều khiển xe mô tô biển số 66AA-080.32 chở theo phía sau em Nguyễn Thị Kim H đi học.

Đến khoảng 06 giờ 38 phút khi đang lưu thông đến khóm A, phường A, tỉnh Đồng Tháp. Thời điểm này ông Nguyễn Văn L đang đi bộ từ lề phải sang lề trái cùng hướng đi với xe mô tô do N điều khiển. Khi N điều khiển xe đi đến phát hiện ông L đang đi bộ sang đường nhưng N không kịp thời đạp phanh xe lại để giảm bớt tốc độ để nhường đường cho ông L đi bộ qua đường nên đã va chạm xe mô tô vào ông L làm ông L ngã xuống mặt đường.

Hậu quả: ông Nguyễn Văn L bị chấn thương được chuyển đến Bệnh viện Đ cấp cứu, do vết thương nặng nên được chuyển đến Bệnh viện Chợ Rẫy thành phố H tiếp tục điều trị, đến ngày 28/02/2026 thì tử vong.

- Kết quả khám nghiệm hiện trường:

+ Đoạn đường nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông nêu trên là đoạn đường thẳng, có gờ giảm sốc, mặt đường rộng 08 mét, ở giữa tim đường có vạch kẻ liền nét màu vàng chỉ mỗi bên phần đường rộng 04 mét, mặt đường được đổ bằng lốp nhựa bê tông, mặt đường bằng phẳng, mặt đường khô ráo không có chướng ngại vật phía trước, tầm nhìn không hạn chế.

+ Tất cả các số đo được đo vào một bên lề chuẩn bên phải theo hướng đi của xe mô tô biển số 66AA-080.32.

+ Vùng va chạm cách lề là 3,22 mét.

- Kết quả khám nghiệm phương tiện: Xe mô tô biển số 66AA-080.32 mặt ngoài cụm gương chiếu hậu bên trái có vết trượt xước dính chất màu vàng có kích thước (10x2,5)cm; mặt ngoài đầu tay thắng bên trái có vết mài mòn kim loại có dính chất màu vàng có kích thước (1x1,4)cm; mặt ngoài cánh yếm bên trái phía trước có vết trầy xước kích thước (6x0,5)cm; cung trước chắn bùn trước bên trái có vết trược xước mất sơn, có kích thước (4,5x3,5)cm; mặt ngoài lường xe bên trái có vết trược xước (8x0,5)cm; bass chân chống nghiêng bên trái có vết trược xước có kích thước (2x0,5)cm; Mặt ngoài để chân sau bên trái có vết trược xước mài mòn kim loại có dính chất màu vàng kích thước (3x0,5)cm; cánh yếm bên phải hở rời khỏi vị trí cố định.

- Tại Bản kết luận giám định số: A569/KLGĐTT-KTHS, ngày 19 tháng 3 năm 2026, của Phòng K Công an tỉnh Đ, kết luận: Mẫu máu chứa trong ống nghiệm có nắp đậy kín, ghi thu của ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1958 được thu giữ trong quá trình khám nghiệm tử thi vào lúc 15 giờ 40 phút ngày 28/02/2028 tại Bệnh viện Đ, tỉnh Đồng Tháp, tại thời điểm giám định ngày 17/3/2026, không phát hiện thành phần cồn (Ethanol).

- Tại Bản kết luận giám định tử thi số: A506/KLGĐTT-KTHS, ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Phòng K Công an tỉnh Đ, kết luận: ông Nguyễn Văn L tử vong do chấn thương sọ não là nguyên nhân tử vong.

- Tại Bản kết luận giám định số: A765/KL-KTHS, ngày 10/4/2026, của Phòng K Công an tỉnh Đ, kết luận: Tệp dữ liệu video gửi đến giám định không bị cắt ghép, chỉnh sửa về nội dung hình ảnh; đã trích xuất hình ảnh diễn biến vụ việc và in ra bản ảnh.

- Vật chứng thu giữ và xử lý:

+ 01 (một) xe mô tô biển số 66AA-080.32, số máy: 567794, loại xe 02 bánh, đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của bị cáo Nguyễn Huỳnh Thị Tuyết N dùng để đinh lại sinh hoạt trong gia đình, nên xem xét tuyên trả lại cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

+ 01 (một) tệp dữ liệu video có tên "06.36.56-06.40.00[M][0@0][0].adv" được lưu trong đĩa DVD, đặt trong túi niêm phong màu xám, có mã số PS3 24162271, dán kín, còn nguyên vẹn, trên túi niêm phong có các chữ ký ghi họ và tên: Lê Hoàng D và Trần Văn T1, quá trình điều tra xác định là nguồn chứng cứ có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên Cơ quan điều tra chuyển theo hồ sơ phục vụ cho công tác xét xử và lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Bị cáo Nguyễn Huỳnh Thị Tuyết N đã bồi thường khắc phục hậu quả vụ tai nạn cho đại diện hợp pháp của bị hại với số tiền 80.000.000 đồng và đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu gì thêm.

Tại Cáo trạng số: 86/CT-VKS-KV12 ngày 20 tháng 8 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp truy tố bị cáo Nguyễn Huỳnh Thị Tuyết N về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Huỳnh Thị Tuyết N thừa nhận toàn bộ hành vi của bị cáo như nội dung Cáo trạng truy tố. Bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo là có lỗi với bị hại và vi phạm pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Văn T là người đại diện hợp pháp của bị hại trình bày đã nhận đủ số tiền bị cáo N bồi thường các khoản: chi phí điều trị, mai táng phí, tổn thất về tinh thần và các khoản chi phí khác là 80.000.000 đồng, ngoài ra gia đình bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, xin cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện học tập, trưởng thành vì bị cáo còn quá nhỏ (khi vi phạm bị cáo N chưa đủ 18 tuổi).

Tại phần luận tội Kiểm sát viên đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Huỳnh Thị Tuyết N phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Huỳnh Thị Tuyết N đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy người định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, xin cho bị cáo được hưởng án treo; gia đình có ông cồ (cha của bà ngoại bị cáo) tên Hồ Văn H1 là liệt sĩ đã hy sinh trong sự nghiệp chống mỹ cứu nước; có ông ngoại tên Huỳnh Văn L1 được Hội nông dân huyện H tặng giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong hoạt động của Hội nông dân nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Khi phạm tội bị cáo N chưa đủ 18 tuổi (17 tuổi 11 tháng), nên áp dụng khoản 1 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên cho bị cáo N.

Từ những phân tích trên Kiểm sát viên đề nghị áp dụng Điều 65, điều 91, 101 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh Thị Tuyết N mức án từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 (Hai) đến 03 (Ba) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã thỏa thuận bồi thường xong và đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Huỳnh Thị Tuyết N 01 (một) xe mô tô biển số 66AA-080.32, số máy: 567794, loại xe 02 bánh, đã qua sử dụng (hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Đ đang quản lý).

Những người tham gia tố tụng không tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Huỳnh Thị Tuyết N xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện học tập, trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Từ khi khởi tố vụ án cho đến tại phiên tòa sơ thẩm những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Xét thấy các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo Nguyễn Huỳnh Thị Tuyết N phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, bản kết luận giám định pháp y về tử thi, lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, qua tranh tụng đã đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 06 giờ 38 phút ngày 27/02/2026 Nguyễn Huỳnh Thị Tuyết N không có giấy phép lái xe theo quy định nhưng điều khiển xe mô tô biển số 66AA-080.32 chở theo phía sau Nguyễn Thị Kim H đi học, khi đang lưu thông đến khóm A, phường A, tỉnh Đồng Tháp đã va chạm xe vào người ông Nguyễn Văn L đang đi bộ qua đường, hậu quả làm ông L tử vong. Hành vi của bị cáo đã vi phạm Điểm a khoản 3 Điều 12 Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ quy định:

“3. Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải quan sát, giảm tốc độ hoặc dừng lại để bảo đảm an toàn trong các trường hợp sau đây:

a) Tại nơi có vạch kẻ đường hoặc báo hiệu khác dành cho người đi bộ hoặc tại nơi mà người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường”;

Từ đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “ Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự mà Viện Kiểm sát nhân dân nhân dân Khu vự 12 - Đồng Tháp đã truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

Điều luật trên quy định:

“1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;

…

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Không có giấy phép lái xe theo quy định”.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Huỳnh Thị Tuyết N gây ra đã tước đi mạng sống của bị hại, làm gia đình họ mất đi một người thân không sao tìm lại được. Mặt khác, hành vi phạm tội của bị cáo còn xâm phạm đến an toàn công cộng trên địa bàn, gây tâm lý hoang mang cho người dân khi tham gia giao thông. Do vậy cần xét xử bị cáo với mức án tương xứng với hành vi mà bị cáo gây ra, không chỉ để xử phạt bị cáo mà còn để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[4] Về nhân thân; tình tiết tăng nặng; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Huỳnh Thị Tuyết N có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Huỳnh Thị Tuyết N phạm tội với lỗi vô ý, sau khi gây ra tai nạn làm bị hại chết, bị cáo đã đến gia đình bị hại để thăm viếng, điều này chứng tỏ rằng bị cáo đã ý thức được những lỗi lầm mà bị cáo gây ra cho bị hại. Bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) bao gồm: chi phí cứu chữa, mai táng phí, tổn thất tinh

thần,…; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo. Vì lẽ đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Hơn nữa, đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, xin cho bị cáo được hưởng án treo; gia đình bị cáo có ông cồ (cha của bà ngoại bị cáo) tên Hồ Văn H1 là liệt sĩ đã hy sinh trong sự nghiệp chống mỹ cứu nước; có ông ngoại tên Huỳnh Văn L1 được Hội nông dân huyện H tặng giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong hoạt động của Hội nông dân nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Nguyễn Huỳnh Thị Tuyết N chưa đủ 18 tuổi nên được xem xét áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 119 của Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mà áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung nên áp dụng Điều 65, điều 91, 101 Bộ luật hình sự, Điều 124 Luật tư pháp người chưa thành niên cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 260 Bộ luật hình sự, bị cáo còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có chức vụ. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Do không có ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Huỳnh Thị Tuyết N 01 (một) xe mô tô biển số 66AA-080.32, số máy: 567794, loại xe 02 bánh, đã qua sử dụng (hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Đ đang quản lý).

- Tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án 01(một) tệp dữ liệu video có tên "06.36.56-06.40.00[M][0@0][0].adv" được lưu trong đĩa DVD, đặt trong túi niêm phong màu xám, có mã số PS3 24162271, dán kín, còn nguyên vẹn, trên túi niêm phong có các chữ ký ghi họ và tên: Lê Hoàng D và Trần Văn T1, quá trình điều tra xác định là nguồn chứng cứ có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Huỳnh Thị Tuyết N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Xét thấy phát biểu luận tội và đề nghị xử lý vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các Điều 65,91, 101 của Bộ luật hình sự. Khoản 1 Điều 119 và Điều 124 của Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Huỳnh Thị Tuyết N phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh Thị Tuyết N 01 (Một) năm tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 04-9-2026).

Giao bị cáo Nguyễn Huỳnh Thị Tuyết N cho Ủy ban nhân dân phường A, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường A, tỉnh Đồng Tháp trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Huỳnh Thị Tuyết N cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Nguyễn Huỳnh Thị Tuyết N phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp đang trong thời gian thử thách mà bị cáo Nguyễn Huỳnh Thị Tuyết N phạm tội mới, thì Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Huỳnh Thị Tuyết N phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 Bộ luật hình sự.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Huỳnh Thị Tuyết N thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 Luật thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Huỳnh Thị Tuyết N 01 (một) xe mô tô biển số 66AA-080.32, số máy: 567794, loại xe 02 bánh, đã qua sử dụng (hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Đ đang quản lý).

- Tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án 01(một) tệp dữ liệu video có tên "06.36.56-06.40.00[M][0@0][0].adv" được lưu trong đĩa DVD, đặt trong túi niêm phong màu xám, có mã số PS3 24162271, dán kín, còn nguyên vẹn, trên túi niêm phong có các

chữ ký ghi họ và tên: Lê Hoàng D và Trần Văn T1, quá trình điều tra xác định là nguồn chứng cứ có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Huỳnh Thị Tuyết N phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04-9-2026).

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12 - Đồng Tháp;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng sơ nghiệp vụ CA tỉnh ĐT;
- Phân trại tạm giam Hồng Ngự;
- Phòng THA dân sự khu vực 12- Đồng Tháp;
- UBND phường An Bình, tỉnh Đồng Tháp;
- Công an phường An Bình, tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thùy Dung